

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

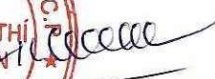
Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 3648/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/11/2025 Trang/ Page: 1/3
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH TRUNG KIÊN Địa chỉ: 424 Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of testing:</i>	Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC	
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	Tủ tụ bù hạ thế 250kVAr	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Tủ	
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	TN/QT-26; TCVN 8083-1:2009; IEC60358-1:2012; Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	13/11/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	Tủ tụ bù hạ thế 250kVAr
	Điện dung/ <i>Capacitance:</i>	10x(3x137.1) μ F
	Dung lượng tủ/ <i>Capacitor capacity:</i>	10x25 (kVAr)
	Điện áp/ <i>Rated voltage:</i>	440 (V)
	Kích thước/ <i>Size:</i>	(1.100x700x500)mm
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	2025
	Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i>	Việt Nam
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A (Thailand); HLY-200C; AC UTQ1; DTE-50/70; UT603; Fluke 287C.	
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	(32 $\pm$ 2) $^{\circ}$ C ; (60 $\pm$ 5) % RH	
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>	
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	2389/25/ETSC	
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	Các hạng mục thí nghiệm của 01 tủ tụ bù nêu trên hoạt động bình thường/ <i>The above 01 capacitors test items are in normal operation</i>	
Người Thực Hiện <i>Executor</i>  Nguyễn Đức Tiến Luyện  GIÁM ĐỐC <i>Director</i>  Nguyễn Quốc Hoàn 		



Số/ No: 3648/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/11/2025 Trang/ Page: 2/3
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1/Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả thử nghiệm/ Result	Đánh giá Assess
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay Manually select the functions manually	The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện của tủ/ Insulation resistance measurement of cabinet:

Stt No	Đối tượng đo Items	Mức quy định Standard level (M Ω)	Kết quả Result (M Ω)	Đánh giá Evaluate
01	Phase A - (B+C+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass
02	Phase B - (C+A+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass
03	Phase C - (B+A+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass

10.3 Thử nghiệm máy cắt điện hạ thế/ Check for MCCB:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
MCCB: LS ABN 53c, 3P, 690V, 50A									
01	> 200	> 200	138	139	138	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	> 200	141	140	142	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	> 200	142	138	139	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	> 200	140	139	138	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	> 200	144	145	145	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	> 200	142	142	144	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
07	> 200	> 200	139	140	141	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
08	> 200	> 200	140	140	144	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
09	> 200	> 200	144	143	145	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
10	> 200	> 200	146	145	146	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

Số/ No: 3648/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/11/2025 Trang/ Page: 3/3
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1/Content of measured results 10 page 1

10.4 Thử nghiệm Contactor/ Check for Contactor:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
Contactor LS - 3P, 220V, 35A, 50Hz									
01	> 200	> 200	175	180	178	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	> 200	172	175	174	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	> 200	177	178	178	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	> 200	180	181	182	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	> 200	184	185	183	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	> 200	185	186	185	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
07	> 200	> 200	179	180	178	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
08	> 200	> 200	178	179	180	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
09	> 200	> 200	181	180	183	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
10	> 200	> 200	184	186	185	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

10.5 Thử nghiệm Tự/ Check for Capacitor:

Stt <i>No</i>	Điện trở cách điện (MΩ) <i>Insulation resistance</i>	Điện dung (μF) <i>Capacitance</i>			Đánh giá <i>Evaluate</i>
		Phase AB	Phase BC	Phase CA	
Capacitor Epcos 3P - 25kVAr, 440V, 50Hz					
01	> 200	143	144	144	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	139	140	141	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	141	142	141	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	143	141	142	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	139	139	142	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	143	143	142	Đạt/ <i>Pass</i>
07	> 200	141	142	141	Đạt/ <i>Pass</i>
08	> 200	143	142	142	Đạt/ <i>Pass</i>
09	> 200	139	140	139	Đạt/ <i>Pass</i>
10	> 200	142	141	142	Đạt/ <i>Pass</i>